

Bản án số 197/2022/DS-PT

Ngày 04- 4 - 2022

V/v “Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Yêu cầu chia thừa kế; Yêu cầu hủy văn bản kê khai di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Ngọc Thu Hương

*Các Thẩm phán:*

Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 và ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 197/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về “Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Yêu cầu chia thừa kế; Yêu cầu hủy văn bản kê khai di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất” .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2081/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 770/2021/QĐ- PT ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2021/QĐ- PT ngày 25 tháng 5 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2509/2021/QĐ- PT ngày 10 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2021/QĐ- PT ngày 16 tháng 12 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2972/2021/QĐ- PT ngày 27 tháng 12 năm 2021; ; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐ- PT ngày 20 tháng 01 năm 2022; Quyết định

đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 118/2021/QĐ- PT ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Hoàng S(Le Hoang S), sinh năm: 1954

Địa chỉ: Số 74 Rue D, 44300 Nantes, Pháp

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1957 (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2018) (có mặt)

Địa chỉ: 562 đường N, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Hoàng Lam Thụy C- Công ty luật H- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt ngày 29/3/2022 , vắng mặt ngày 04/4/2022)

2. Bị đơn: Văn phòng công chứng G

Địa chỉ: Số 214/B11 đường N1, phường N2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1991 (Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2017) (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 214/B11 đường N3, phường N4, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Thu V, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số 562 đường N, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số 37 đường L, Phường 01, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Thu V và Lê Thị Thu H1*: Bà Hoàng Lam Thụy C- Công ty luật TNHH H- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh ((có mặt ngày 29/3/2022 , vắng mặt ngày 04/4/2022).

3.3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1927 (chết 25/02/2021)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M*:

3.3.1 Bà Lê Thị Thu V, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số 562 đường N, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

3.3.2 Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số 37 đường L, Phường 01, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Lê Thị Thanh L1, sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số 268/1 đường L, Phường 01, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vương Chánh H2 (Văn bản ủy quyền ngày 12/07/2021) (có mặt)

Địa chỉ: B156/9 đường N5, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H3 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M; bà Lê Thị Thu V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bà Lê Thị Thu H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bà V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Hoàng S (Le Hoang S).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Lê Hoàng S có bà Lê Thị Thu V là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Năm 1959, vợ chồng cụ Lê Văn C1, cụ Nguyễn Thị M nhận ba anh em ông gồm: Lê Hoàng S, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu H1 làm con nuôi theo Chứng thư nghĩa dưỡng lập ngày 03/4/1959 tại Phòng Chứng khế Sài Gòn được Bản án số 1733/NĐA ngày 07/7/1959 của Tòa sơ thẩm Sài Gòn ghi nhận. Ông C1 (chết năm 1994) và bà M có tạo lập được căn nhà số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất năm 2008 do bà M đứng tên với tư cách đại diện cho các đồng thừa kế của ông C1). Ngày 23/11/2009, bà M tiến hành thủ tục kê khai di sản thừa kế của ông C1 tại Văn phòng Công chứng G và tự cam kết vợ chồng ông C1, bà M không có con chung, con riêng, con nuôi để bà M hưởng toàn bộ di sản do ông C1 để lại là không đúng. Trên cơ sở Văn bản khai nhận di sản này, bà M đã được Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 09/12/2009 đối với nhà đất nêu trên. Sau đó, bà M đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở này cho bà Lê Thị Thanh L1. Ngày 28/01/2010, bà L1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Do đó, nay ông yêu cầu Tòa án:

- Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản số 06235 do Văn phòng Công chứng G công chứng ngày 23/11/2009 là vô hiệu.

- Tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0000006847/HĐ-MBN ngày 22/12/2009 lập tại Văn phòng Công chứng G giữa bà Nguyễn Thị M và bà Lê Thị Thanh L1.

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2883/2009/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 09/12/2009 cho bà Nguyễn Thị M; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài

sản khác gắn liền với đất số BA184401 số vào sổ cấp GCN CH00152/2010/GCN do Ủy ban nhân dân quận 3 cấp ngày 28/01/2010 cho bà Lê Thị Thanh L1.

- Công nhận bà Lê Thị Thu H1, bà Lê Thị Thu V, ông Lê Hoàng S mỗi người được hưởng 1/8 diện tích nhà đất số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo đo đạc thực tế, chia theo hiện vật.

- Buộc bà Lê Thị Thanh L1, bà Nguyễn Thị M phải giao trả phần di sản thừa kế mà ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1, bà Lê Thị Thu V được hưởng trong nhà đất số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn Văn phòng Công chứng G có ông Phạm Văn T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 09/10/2009, bà M đến Văn phòng Công chứng Gyêu câu công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế do ông C1 chết để lại là phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở trong căn nhà số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Hồ sơ do bà M cung cấp gồm các chứng từ: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất; Tờ cam kết của bà M do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3 chứng nhận ngày 09/6/2009, nội dung cha mẹ của ông C1 là cô Lê Văn T1, cô Trần Thị P đã chết trước ông C1 từ lâu không có giấy chứng tử, giữa ông C1 và bà M không có con chung, con riêng, con nuôi; ông C1 có vợ là bà M (theo ghi nhận trên giấy chứng tử số 01, quyền 1 ngày 03/01/1994 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3 cấp). Do đó, Văn phòng Công chứng G tiến hành thủ tục niêm yết thông báo Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 09/10/2009 của bà M, được Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3 xác nhận. Sau 30 ngày niêm yết thông báo công khai di sản thừa kế theo luật định, Văn phòng Công chứng G không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo. Do đó, ngày 23/11/2009, bà M đã đến ký Văn bản khai nhận di sản và được Văn phòng Công chứng G chứng nhận số 06235 theo quy định của pháp luật.

Trước đó, bà M đến Văn phòng Công chứng G yêu cầu công chứng di chúc ngày 07/10/2009, nội dung để lại căn nhà trên cho bà Lê Thị Thanh L1 và ngày 22/12/2009, yêu cầu công chứng giao dịch chuyển nhượng căn nhà trên cho bà L1.

Việc khai nhận thừa kế di sản do bà M cố tình che giấu việc không có con nuôi nên Văn phòng Công chứng G không thể biết được. Do Văn phòng Công chứng G đã thực hiện đúng quy trình Luật công chứng, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*1/ Bà Nguyễn Thị M có bà Nguyễn Thị Mỹ H3 là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Về nguồn gốc nhà đất, khoảng năm 1955, vợ chồng ông Lê Văn C1 và Nguyễn Thị M có thuê một cái chòi của một người Ấn Độ, đến năm 1961, vợ chồng ông C1 bà M tự cất một ngôi nhà trên phần đất này để sinh sống. Ngày 03/01/1994, ông Lê Văn C1 qua đời, hiện trạng căn nhà lúc đó gần như đổ nát, phần đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005, căn nhà và đất nói trên được xác định thuộc diện nhà do nhà nước quản lý. Năm 2006, bà M được công nhận là người có công với cách mạng và là bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhờ đó bà M được xét cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở căn nhà số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2009.

Do mẹ ông S mất sớm, cha ruột của ông S kết hôn với người khác nên vợ chồng cụ M, cụ C1 là chú bác ruột với ông S có nhận ông S làm con nuôi nhưng không làm thủ tục nhận con nuôi theo quy định pháp luật. Về quan hệ với bà Lê Thị Thu V và bà Lê Thị Thu H1, bà M khẳng định từ trước tới nay, bà và chồng ông Lê Văn C1 chưa bao giờ nhận nuôi người con nào tên Lê Thị Thu V và Lê Thị Thu H1. Tại Trích lục án Tòa Sài Gòn số 1733 ngày 07/7/1959 với nội dung: “vợ chồng cụ Lê Văn C2, cụ Nguyễn Thị M đã ưng thuận nhận ba người làm con nuôi gồm: ông Lê Hoàng S(sinh năm 1954), bà Lê Thị Thu H1(sinh năm 1956), bà Lê Thị Thu V (sinh năm 1957)”, trên văn bản đứng tên ông "Lê Văn C2" không phải ông "Lê Văn C1" và toàn bộ giấy tờ nhân thân của ông C1 từ xưa đến nay đều đứng tên là Lê Văn C1, hoàn toàn không có giấy tờ nào đứng tên là Lê Văn C2. Bà V và bà H1 cũng không có gì chứng minh việc được ông C1 bà M nhận nuôi.

Tại thời điểm ông C1 chết, căn nhà 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Năm 2008, bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo chính sách người có công với cách mạng nên nhà đất này không phải là di sản của ông C1. Từ khi ông C1 chết, bà là người sử dụng liên tục ổn định tại căn nhà cho đến nay đã hơn 19 năm. Hợp đồng chuyển nhượng căn nhà 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà với bà Lê Thị Thanh L1 là hoàn toàn tự nguyện, đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của ông S.

*2/ Bà Lê Thị Thanh L1 có bà Nguyễn Thị Mỹ H3 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 22/12/2009, bà ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng nhà ở và quyền sử dụng đất căn nhà số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với bà M tại Văn phòng Công chứng G. Tại thời điểm giao dịch, căn nhà trên được xác định là tài sản riêng duy nhất của bà M, bà M tự nguyện ký kết hợp đồng, tinh thần minh mẫn và sáng suốt, không bị một áp lực nào. Giá chuyển nhượng là 2 tỷ đồng, bà đã giao đủ tiền cho bà M và đã hoàn tất thủ tục sang tên chuyển quyền sở hữu căn nhà trên qua tên bà. Do việc mua bán của bà

với bà M là ngay tình, có chứng thực của cơ quan công chứng nên bà yêu cầu Tòa án bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*3/ Bà Lê Thị Thu H1 trình bày:*

Bà thống nhất với lời khai của ông S về việc vợ chồng bà M nhận con nuôi, về nguồn gốc nhà đất. Bà M hiện đã 90 tuổi không thể tự làm được các thủ tục nêu trên mà do có sự chi phối áp lực từ người khác. Bà L1 lợi dụng việc ở nhờ trong căn nhà trên cùng bà M, dùng thủ đoạn để chiếm đoạt nhà của vợ chồng bà M. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất giữa bà M và bà L1 được Văn phòng Công chứng G chứng nhận dựa trên các thông tin không chính xác để xác lập chủ quyền. Nay anh em bà chứng minh được Văn bản khai nhận di sản thừa kế được chứng nhận trên lời khai gian dối, trái pháp luật nên yêu cầu Văn phòng Công chứng G hủy văn bản công chứng trên. Yêu cầu Tòa án tuyên bố “Văn bản khai nhận di sản” của bà M là vô hiệu, để khôi phục lại quyền thừa kế của bà. Bà H1 có đơn yêu cầu độc lập: Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2883/2009/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 09/12/2009 cho bà Nguyễn Thị M, hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BA184401, số vào sổ CH00152/2010/GCN ngày 28/01/2010 do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp cho bà Lê Thị Thanh L1.

*4/ Bà Lê Thị Thu V trình bày:*

Bà thống nhất với lời khai của ông S và bà Hà.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1180/2013/DSST ngày 27/09/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hoàng S, tuyên xử Vô hiệu Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 06235 do Văn phòng Công chứng G lập ngày 23/11/2009 cho bà Nguyễn Thị M.

***Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 13/2014/DSPT ngày 20/01/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

*Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và bà Lê Thị Thanh L1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1180/2013/DSST ngày 27/09/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*

Ngày 01/06/2016 Tòa án nhân dân tối cao ban hành kháng nghị giám đốc thẩm số 69/2016/KN-DS kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm số 13/2014/DSPT ngày 20/01/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Tại quyết định giám đốc thẩm số 14/2017/DS-GĐT ngày 18/05/2017 của Tòa án nhân dân tối cao tuyên:*** Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 13/2014/DSPT ngày 20/01/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 1180/2013/DSST ngày

27/09/2019 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án " Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu" giữa nguyên đơn là ông Lê Hoàng S với bị đơn là Văn phòng Công chứng G; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Thị M, bà Lê Thị Thanh L1, cháu Trần Lê Thủy N6, bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Thu H1. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2081/2020/DSST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:***

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng S đối với bị đơn Văn phòng Công chứng G về việc "Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Yêu cầu hủy văn bản kê khai di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất"; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H1, bà Lê Thị Thu V về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế".

- Xác định di sản của ông Lê Văn C1 là  $\frac{1}{2}$  nhà đất tọa lạc tại số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn C1 gồm: Bà Nguyễn Thị M, ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V.

- Bà Nguyễn Thị M, ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V mỗi người được hưởng  $\frac{1}{4}$  kỳ phần thừa kế của ông Lê Văn C1 (tương ứng  $\frac{1}{8}$  nhà đất tọa lạc tại số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) là 1.017.975.000 đồng.

2. Giữ nguyên Văn bản khai nhận di sản số 06235 do Văn phòng Công chứng G công chứng ngày 23/11/2009; Giữ nguyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0000006847/HĐ-MBN ngày 22/12/2009 lập tại Văn phòng Công chứng G giữa bà Nguyễn Thị M và bà Lê Thị Thanh L1; Giữ nguyên Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2883/2009/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 09/12/2009 cho bà Nguyễn Thị M; Giữ nguyên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA184401 số vào sổ cấp GCN CH00152/2010/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 28/01/2010 cho bà Lê Thị Thanh L1.

3. Bà M có trách nhiệm phải thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại gồm: Ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V mỗi người được nhận 1.017.975.000 đồng (tương ứng  $\frac{1}{8}$  nhà đất tọa lạc tại số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập ngày 10/8/2020 của bà Lê Thị Thanh L1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/12/2020 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1114/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 2081/2020/DSST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24/12/2020 bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Thu H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bà V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Hoàng S(Le Hoang S) kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 2081/2020/DSST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy án sơ thẩm.

Ngày 07/01/2021 Bà Nguyễn Thị Mỹ H3 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 2081/2020/DSST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà M đã chết ngày 25/02/2021.

*Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/4/2022, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:*

1. Bà Lê Thị Thanh L1 được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của căn nhà số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA184401 số vào sổ cấp GCN CH00152/2010/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 28/01/2010 cho bà Lê Thị Thanh L1.

2. Bà Lê Thị Thanh L1 có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị M gồm có ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V, mỗi người là 800.000.000 đồng, tổng cộng ba người là 2.400.000.000 đồng.

Việc giao tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

*“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3. 1. Ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V mỗi người phải chịu là 36.000.000 đồng, nhưng do có đơn xin miễn án phí và là người cao



tuổi nên ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V được miễn số tiền này.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự mà bà V và bà H1 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 6.250.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 07119 ngày 01/7/2014, bà V số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 08025 ngày 29/12/2014, bà H1 số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 08026 ngày 29/12/2014. (Nếu bà Vân, bà H1 chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự mà ông S đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 05120 ngày 23/4/2013. (Nếu ông S chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Hoàn trả cho các thừa kế của bà M gồm có ông S, bà H1 và bà V số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 06025 ngày 23/10/2013. (Nếu bà M chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

3. 2. Bà Lê Thị Thanh L1 phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0092247 ngày 10/8/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thanh L1 số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 06021 ngày 23/10/2013 (Nếu bà L1 chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. *Về chi phí tố tụng khác:* Các đương sự thực hiện xong không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Ông S, bà H1 và bà V được miễn án phí.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/4/2022, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều

cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2081/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

1. Bà Lê Thị Thanh L1 được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của căn nhà số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA184401 số vào sổ cấp GCN CH00152/2010/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 28/01/2010 cho bà Lê Thị Thanh L1.

2. Bà Lê Thị Thanh L1 có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị M gồm có ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V, mỗi người là 800.000.000 đồng, tổng cộng ba người là 2.400.000.000 đồng.

Việc giao tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

*“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3. 1. Ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V mỗi người phải chịu là 36.000.000 đồng, nhưng do có đơn xin miễn án phí và là người cao tuổi nên ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V được miễn số tiền này.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự mà bà V và bà H1 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 6.250.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 07119 ngày 01/7/2014, bà V số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 08025 ngày 29/12/2014, bà H1 số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 08026 ngày 29/12/2014. (Nếu bà V, bà H1 chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự mà ông S đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 05120 ngày 23/4/2013. (Nếu ông S chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Hoàn trả cho các thừa kế của bà M gồm có ông S, bà H1 và bà V số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 06025 ngày 23/10/2013. (Nếu bà M chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

3. 2. Bà Lê Thị Thanh L1 phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0092247 ngày 10/8/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thanh L1 số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 06021 ngày 23/10/2013 (Nếu bà L1 chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. *Về chi phí tố tụng khác:* Các đương sự thực hiện xong không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Ông S, bà H1 và bà V được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2081/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

1. Bà Lê Thị Thanh L1 được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của căn nhà số 268/1 đường L, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA184401 số vào sổ cấp GCN CH00152/2010/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 28/01/2010 cho bà Lê Thị Thanh L1.

2. Bà Lê Thị Thanh L1 có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị M gồm có ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu

H1 và bà Lê Thị Thu V, mỗi người là 800.000.000 đồng, tổng cộng ba người là 2.400.000.000 đồng.

Việc giao tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

*“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”*

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V mỗi người phải chịu là 36.000.000 đồng, nhưng do có đơn xin miễn án phí và là người cao tuổi nên ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Thu H1 và bà Lê Thị Thu V được miễn số tiền này.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự mà bà V và bà H1 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 6.250.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ngày 01/7/2014, bà V số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 08025 ngày 29/12/2014, bà H1 số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 08026 ngày 29/12/2014. (Nếu bà Vân, bà H1 chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự mà ông S đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 05120 ngày 23/4/2013. (Nếu ông Schưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Hoàn trả cho các thừa kế của bà M gồm có ông S, bà H1 và bà V số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 06025 ngày 23/10/2013. (Nếu bà M chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

3.2. Bà Lê Thị Thanh L1 phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0092247 ngày 10/8/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thanh L1 số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 06021 ngày 23/10/2013 (Nếu bà L1 chưa nhận lại số tiền này theo các bản án đã xét xử trước tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. *Về chi phí tố tụng khác:* Các đương sự thực hiện xong không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Ông S, bà H1 và bà V được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Đinh Ngọc Thu Hương**